

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT BỔ SUNG CHO 05 ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC**  
**ĐỀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/4/2024 của UBND huyện Phước Sơn)*

DVT: Đồng

| STT | Họ và tên                         | Lớp   | Địa chỉ      |             | Thuộc đối tượng        | Họ tên bố, mẹ (hoặc người giám hộ) |                       | Dân tộc     | Số TT trong DS quản lý hộ nghèo, cận nghèo | Số tiền hỗ trợ/1 tháng | Số tháng hưởng chế độ | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|-------|--------------|-------------|------------------------|------------------------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------|---------|
|     |                                   |       | Thôn, TDP số | Xã, TT      |                        | Họ tên bố                          | Họ tên mẹ             |             |                                            |                        |                       |            |         |
| 1   | 2                                 | 3     | 4            | 5           | 6                      | 7                                  | 8                     | 9           | 10                                         | 11                     | 12                    | 13         | 14      |
|     | TRƯỜNG MẪU GIÁO HÒA MY            |       |              |             |                        |                                    |                       |             |                                            |                        |                       | 450.000    |         |
| 01  | Đỗ Hà Vy                          | Nhỡ A | Thôn 5       | Phước Đức   | Khoản 4 điều 18, NĐ 81 | Đỗ Tuấn                            | Trần Ngọc Lệ          | Kinh        | 38                                         | 150.000                | 3                     | 450.000    |         |
|     | TRƯỜNG: MẪU GIÁO LIÊN XÃ HIỆP HÒA |       |              |             |                        |                                    |                       |             |                                            |                        |                       | 750.000    |         |
| 02  | Bùi Quang Hải                     | Nhỡ 1 | Thôn 1       | Phước Hiệp  | Khoản 4, Điều 18       | Bùi Quang Vũ                       | Trần Thị Thứ Thuận    | Kinh        |                                            | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
|     | TRƯỜNG THLX CHÁNH CÔNG            |       |              |             |                        |                                    |                       |             |                                            |                        |                       | 750.000    |         |
| 03  | Phan Thanh Huy                    | 1C    | Thôn 2       | Phước Chánh | Khoản 4 Điều 18        | Phan Thanh Phương                  | Trần Thị Xuân Anh     | Kinh        |                                            | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
|     | TRƯỜNG: TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM       |       |              |             |                        |                                    |                       |             |                                            |                        |                       | 9.000.000  |         |
| 04  | Hồ Thị Bảo Nguyên                 | 1/1   | TDP số 1     | TT Khâm Đức | Khoản 3 điều 18        |                                    | Hồ Thị Phụng          | Gié Triêng  | 51                                         | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
| 05  | Hồ Hoàng Khải                     | 1/1   | TDP số 1     | TT Khâm Đức | Khoản 3 điều 18        | Hồ Văn Khu                         | Hồ Thi Hằng           | Gié Triêng  | 48                                         | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
| 06  | Hồ Thị Mỹ Duyên                   | 1/2   | TDP số 1     | TT Khâm Đức | Khoản 4 điều 18        | Hồ Văn Hoa                         | Hồ Thị Điều           | Gié -Triêng |                                            | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
| 07  | Alăng Nguyễn Ngọc Hoa             | 1/5   | Thôn 1       | Phước Chánh | Khoản 4 điều 18        | Alăng Vơn                          | Hồ Thị Hiệp           | Cơ Tu       |                                            | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
| 08  | Lê Nguyên                         | 2/3   | TDP Số 3     | TT Khâm Đức | Khoản 3 điều 18        | Lê Thanh Tùng                      | Đỗ Thị Nhung          | Gié- Triêng | 145                                        | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
| 09  | Trương Nguyễn Tổ Uyên             | 3/2   | Thôn 2       | Phước Thành | Khoản 4 điều 18        | Trương Văn Khoa                    | Nguyễn Thị Thanh Nhân | Kinh        |                                            | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |
| 10  | Hồ Thị Bích Hằng                  | 3/3   | Nước Lang    | Phước Xuân  | Khoản 3 điều 18        | Hồ Văn Bầu                         |                       | Gié-triêng  | 82                                         | 150.000                | 5                     | 750.000    |         |

|           |                                 |     |          |             |                 |                   |                       |             |     |         |   |            |  |
|-----------|---------------------------------|-----|----------|-------------|-----------------|-------------------|-----------------------|-------------|-----|---------|---|------------|--|
| 11        | Lê Tuệ Trâm Anh                 | 3/5 | TDPS 3   | TT Khâm Đức | Khoản 3 điều 18 | Lê Thanh Tùng     | Đỗ Thị Nhung          | Gié- triêng | 145 | 150.000 | 5 | 750.000    |  |
| 12        | Võ Hoàng Phúc                   | 4/5 | TDP số 1 | TT Khâm Đức | Khoản 4 điều 18 |                   | Võ Thị Tuyết Nhung    | Kinh        |     | 150.000 | 5 | 750.000    |  |
| 13        | Phan Nguyễn Đức Trí             | 5/3 | Thôn 5   | Phước Đức   | Khoản 4 điều 18 | Nguyễn Đình Hường | Nguyễn Thị Ngọc Phước | Kinh        |     | 150.000 | 5 | 750.000    |  |
| 14        | Trần Ngọc Kiên                  | 5/3 | TDP số 1 | TT Khâm Đức | Khoản 4 điều 18 | Đỗ Thị Xinh       | Trần Ngọc Tâm         | Kinh        |     | 150.000 | 5 | 750.000    |  |
| 15        | Trương Nguyễn Diệu Thảo         | 5/3 | Thôn 2   | Phước Thành | Khoản 4 điều 18 | Trương Văn Khoa   | Nguyễn Thị Thanh Nhân | Kinh        |     | 150.000 | 5 | 750.000    |  |
|           | TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS PHƯỚC KIM |     |          |             |                 |                   |                       |             |     |         |   | 900.000    |  |
| 16        | Hồ Văn Đăng                     | 1/2 | Thôn 3   | P.Kim       | Khoản 4 điều 18 | Hồ Văn Diễm       | Hồ Thị Đoàn           | Gié -Triêng |     | 150.000 | 3 | 450.000    |  |
| 17        | Hồ Thị Điều                     | 5   | Thôn 3   | P.Kim       | Khoản 4 điều 18 | Hồ Văn Diễm       | Hồ Thị Đoàn           | Gié -Triêng |     | 150.000 | 3 | 450.000    |  |
| TỔNG CỘNG |                                 |     |          |             |                 |                   |                       |             |     |         |   | 11.850.000 |  |

**Tổng số tiền ghi bằng chữ: (Mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)**

**Tổng số học sinh đề nghị bổ sung hỗ trợ là: 17 em; trong đó 1 tháng 0 em; 2 tháng 0 em; 3 tháng 03 em; 4 tháng 0 em; 5 tháng 14 em; 6 tháng 0 em; 7 tháng 0 em; 8 tháng 0 em; 9 tháng 0 em;**

































































